

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-9-2023.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lâm Văn T, sinh năm: 1985 “có mặt”.

Cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1993 “có mặt”.

Cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lâm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã A theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh T và chị N chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T và chị N sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: trong thời gian chung sống anh T và chị N có 02 người con chung tên Lâm Như M, sinh ngày 29/8/2019 và Lâm Nguyễn P, sinh ngày 29/9/2021. Hiện nay cháu M đang sống chung với anh T còn cháu P đang sống chung với chị N. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu M thành niên, anh T thống nhất giao cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên, anh T và chị N không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh T và chị N có tài sản chung và nợ chung, nhưng anh T và chị N đã tự thỏa thuận, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lâm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Bích N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên chị N đã biết được yêu cầu khởi kiện của anh T, nhưng chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập chị Nguyễn Thị Bích N tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng chị N vắng mặt không có lý do và chị N cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Văn T. Về hôn nhân: xử cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích N; về con chung: giao cháu Lâm Như M, sinh ngày 29/8/2019 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên, giao cháu Lâm Nguyễn P, sinh ngày 29/9/2021 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên, do anh T và chị N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T và chị N không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T và chị N, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: anh T và chị N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2023 của anh Lâm Văn T thì anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Bích N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh T và chị N chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên anh T và chị N sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì anh T và chị N không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023. Từ khi sống ly thân cho đến nay anh T và chị N không có gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Anh T yêu cầu được ly hôn; chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T.

Xét thấy: trong thời gian chung sống khi phát sinh mâu thuẫn thì anh T và chị N sống ly thân từ tháng 01 năm 2023, từ khi sống ly thân cho đến nay, chị N không chủ động gặp anh T để bàn bạc về việc đoàn tụ, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay hôn nhân của anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu được ly hôn với chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh T được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N có 02 người con chung tên Lâm Như M, sinh ngày 29/8/2019 và Lâm Nguyễn P, sinh ngày 29/9/2021. Từ khi anh T và chị N sống ly thân cho đến nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M cho đến khi cháu M thành niên, anh T thông nhất giao cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên, anh T và chị N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: từ khi anh T và chị N sống ly thân cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phát; hiện nay cháu M đang có cuộc sống ổn định cùng với anh T còn cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi cũng đang có cuộc sống ổn định cùng với chị N, nên việc anh T

yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, thống nhất giao cháu P cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu M và cháu P và phù hợp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử giao cháu M cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên, giao cháu P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên. Do anh T và chị N không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T và chị N không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T và chị N, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N có tài sản chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N có nợ chung, nhưng anh chị đã tự thỏa thuận và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn T. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Lâm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009160 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Bích N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2, 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn T.

1. Về hôn nhân: xử cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích N.

2. Về con chung: giao cháu Lâm Như M, sinh ngày 29/8/2019 cho anh Lâm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M thành niên; giao cháu Lâm Nguyễn P, sinh ngày 29/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên. Anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T và chị N, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Bích N không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lâm Văn T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009160 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Bích N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn anh Lâm Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo